

Số: /ĐA-UBND

Tu Mơ Rông, ngày tháng năm 2025

ĐỀ ÁN

**Sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện
(Sửa đổi, bổ sung Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025)**

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Sự cần thiết

Thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố. Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông hiện có 13 phòng, ban chuyên môn trực thuộc theo quy định, gồm: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng Nội vụ, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tư pháp, Phòng LĐ-TB&XH, Phòng NN&PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Y tế, Phòng Dân tộc, Thanh tra huyện. Cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc huyện thời gian qua luôn ổn định, hoạt động hiệu quả, đáp ứng vai trò quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Với mục tiêu tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ huyện cho đến cơ sở tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và từng bước làm cho bộ máy hành chính phù hợp với yêu cầu phát triển theo chủ trương của trung ương tại Kết luận số 09-KL/TW ngày 24/11/2024 của Trung ương và yêu cầu tại Công văn số 22-CV/BCĐ ngày 05/12/2024 của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ 18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo của Chính phủ về kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ; Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ 18, ngày 18/12/2024 của Ban chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy; Do đó, việc xây dựng Đề án tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện (sau đây viết tắt là Đề án) là thật sự cần thiết, nhằm tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ công chức, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao trong giai đoạn mới.

II. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 10-NQ/CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày của Ban Chấp hành Trung ương;

- Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

- Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Kết luận số 09-KL/TW ngày 24/11/2024 phiên họp thứ nhất BCĐ Trung ương về việc tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khoá XII;

- Công văn số 22-CV/BCĐ ngày 05/12/2024 của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ 18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo của Chính phủ về kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ;

- Công văn số 24/CV-BCĐTKNQ 18, ngày 18/12/2024 của Ban chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về định hướng, gợi ý một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Công văn số 05/CV-BCĐTKNQ 18, ngày 12/01/2025 của Ban chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Công văn số 7968/BNV-CCVC, ngày 08 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nội vụ về việc định hướng xây dựng phương án bố trí, sắp xếp CBCCVC và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính;

- Công văn số 1505-CV/TU ngày 09-12-2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum “*về thực Kết luận số 09-KL/TW, ngày 24/11/2024 của Ban Chấp hành Trung ương (phiên họp lần thứ nhất) về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 18-*

NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả”; Công văn số 01-CV/BCĐ ngày 13-12-2024 của Ban Chỉ đạo tỉnh “về triển khai xây dựng phương án, đề án sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW;

- Kế hoạch số 181-KH/TU, ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”.

- Kết luận số 02-KL/BCĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo tỉnh về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”.

- Công văn số 4684/UBND-NC, ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy cấp tỉnh, cấp huyện;

- Ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy.

PHẦN II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

I. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Văn phòng HĐND và UBND huyện

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Chánh Văn phòng và 02 Phó Chánh Văn phòng.

- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ: 06 (01 biệt phái giữ chức vụ khác).

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ: 01, Đại học 08; lý luận chính trị: Cao cấp 02, Trung cấp: 05.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 18 (bao gồm lãnh đạo HĐND-UBND và các ban của Hội đồng), biên chế đã thực hiện 16.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND, ngày 02/3/2023 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; kiểm soát thủ tục hành chính; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước thuộc huyện; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân huyện; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải

quyết của Ủy ban nhân dân huyện, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: làm việc tại Trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

II. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Y tế.

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng.

- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ: 01.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 02; lý luận chính trị: Cao cấp 01.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 02.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND, ngày 22/10/2022 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về y tế bao gồm: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; dân số; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế trên địa bàn.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: làm việc tại Trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

III. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Lao động, thương binh & xã hội.

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 01 Phó phòng.

- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 04.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ: 01, Đại học 05; lý luận chính trị: Cao cấp 03, Trung cấp: 01.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 07, biên chế đã thực hiện 06.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND, ngày 26/8/2022 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Lao động, tiền lương trong khu vực kinh doanh và việc làm; giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm); bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: Phòng Lao động - Thương binh & xã hội có trụ sở làm việc riêng tại thôn Mô Pả, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

IV. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Giáo dục & đào tạo.

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 01 Phó phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 01 (kế toán).
- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 04; lý luận chính trị: Cao cấp 03, Trung cấp: 0.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 04, biên chế đã thực hiện 03.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND, ngày 14/8/2023 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: Phòng Giáo dục & đào tạo có trụ sở làm việc riêng tại thôn Mô Pả, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

V. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Nông nghiệp & phát triển nông thôn

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 01 Phó phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 04.
- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 05; Trung cấp 01; lý luận chính trị: Cao cấp 02, Trung cấp: 01.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 07, biên chế đã thực hiện 06.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: Phòng Nông nghiệp & phát triển nông thôn có trụ sở làm việc riêng tại thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

VI. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Dân tộc

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 01 Phó phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 02.
- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 04; lý luận chính trị: Cao cấp 02, Trung cấp: 02.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 04, biên chế đã thực hiện 04.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND, ngày 09/11/2022 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về công tác dân tộc và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: Phòng Dân tộc có trụ sở làm việc riêng tại thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

VII. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Tài Chính - Kế hoạch

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 01 Phó phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 03.
- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ 02; Đại học 03; lý luận chính trị: Cao cấp 01, Trung cấp: 02.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 07, biên chế đã thực hiện 05.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND, ngày 10/8/2022 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính - ngân sách; quy hoạch, kế hoạch và đầu tư; đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký hợp tác xã; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: Phòng Tài chính- Kế hoạch có trụ sở làm việc riêng tại thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

VIII. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Văn hóa - Thông tin

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 01 Phó phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 0.
- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 02; lý luận chính trị: Cao cấp

02.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 04, biên chế đã thực hiện 02.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND, ngày 05/5/2023 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; báo chí; xuất bản, in và phát hành; phát thanh; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; chuyển đổi số trên địa bàn. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: làm việc tại Trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

IX. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Tài nguyên - Môi trường

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 01 Phó phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 02.
- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sĩ 02, Đại học 02; lý luận chính trị: Cao cấp 01, trung cấp 02.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 05, biên chế đã thực hiện 04.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND, ngày 16/02/2022 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: làm việc tại Trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

X. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Phòng Tư Pháp

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 02.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 03; lý luận chính trị: Cao cấp 02, trung cấp 01.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 04, biên chế đã thực hiện 03.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND, ngày 07/4/2022 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật: theo dõi tình hình thi hành pháp luật: kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định pháp luật.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: làm việc tại Trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

XI. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của Thanh tra huyện

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Chánh Thanh tra và 01 Phó chánh thanh tra.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 02.
- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 04; lý luận chính trị: Cao cấp 02, trung cấp 01.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 04, biên chế đã thực hiện 04.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND, ngày 17/01/2025 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: làm việc tại Trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

XII. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của phòng Nội vụ

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 02 Phó trưởng phòng.
- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 03.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 06; lý luận chính trị: Cao cấp 02, trung cấp 01.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 07, biên chế đã thực hiện 06.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND, ngày 13/01/2022 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính, cải cách chế độ công chức, công vụ; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tín ngưỡng, tôn giáo; thanh niên; thi đua, khen thưởng.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: làm việc tại Trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

XIII. Thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, tài chính, tài sản của phòng Kinh tế - Hạ tầng

1. Tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo: Trưởng phòng và 02 Phó trưởng phòng.

- Công chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ hiện có: 04.

- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Đại học 07; lý luận chính trị: Cao cấp 03, trung cấp 0.

2. Tình hình sử dụng biên chế: Tổng số biên chế được giao 07, biên chế đã thực hiện 07.

3. Chức năng, nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND, ngày 11/7/2023 của ủy ban nhân dân huyện: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Công thương; Giao thông vận tải; Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng trên địa bàn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

4. Về tài chính: Được UBND huyện giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024.

5. Về trụ sở: làm việc tại Trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

PHẦN III
PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LẠI CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN THUỘC
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

A. NGUYÊN TẮC

Bám sát định hướng sắp xếp theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW; của Ban chỉ đạo Trung ương, Ban chỉ đạo tỉnh và định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ và chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh.

Tổ chức hợp lý các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính.

Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn phải gắn với giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị trong thời kỳ mới.

B. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC, SẮP XẾP

I. Duy trì 04 phòng chuyên môn như hiện nay:

1. Phòng Tư pháp (**04** biên chế);
2. Phòng Tài chính - Kế hoạch (**07** biên chế);
3. Thanh tra huyện (**04** biên chế).
4. Văn phòng HĐND- UBND huyện (**18** biên chế- cả cán bộ lãnh đạo).

II. Sáp nhập phòng Lao động - Thương binh và xã hội và phòng Nội vụ (giảm 01 phòng)

1. Về tên gọi của phòng sau sáp nhập: **Phòng Nội vụ**
2. Về tổ chức bộ máy: 2 đơn vị sát nhập có 14 biên chế; 2 biên chế chưa tuyển.

2.1. Biên chế dự kiến giao: **9** biên chế (thừa 5 biên chế).

2.2. Về lãnh đạo: 3 đồng chí: 01 trưởng phòng; 02 Phó trưởng phòng.

- Trưởng phòng Nội vụ (cấp ủy) tiếp tục giữ chức vụ Trưởng phòng;
- Phó trưởng phòng: 02 đồng chí phó trưởng phòng Nội vụ tiếp tục giữ chức vụ Phó trưởng phòng).

+ Đồng chí trưởng phòng Lao động- thương binh và xã hội: (1) **phương án 1:** điều động bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng phòng Tài chính - kế hoạch, (2) **phương án 2:** đề xuất Ban Thường vụ xem xét tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ tại Mặt trận và các đoàn thể huyện hoặc bí thư Đảng ủy xã.

+ 01 đồng chí Phó trưởng phòng Lao động- Thương binh và xã hội, bổ nhiệm Phó trưởng phòng Y tế (phụ trách mảng bảo trợ xã hội: hơn 1000 đối tượng).

2.3. Về chuyên viên: 6 chuyên viên; tiếp tục sử dụng 04 biên chế được giao cho phòng Nội vụ (1 chưa tuyển) và tiếp nhận 02 biên chế tại phòng Lao động - thương binh và xã hội: ông Huỳnh Ngọc Tuấn, bà Y Kim Sang).

Chuyên viên chức còn của phòng Lao động- thương binh và xã hội còn lại 3: bố trí ông A Quế công tác tại phòng Nông nghiệp và Môi trường; ông Lê Thái Lam về công tác tại phòng Dân tộc. Chuyển 1 chỉ tiêu chưa tuyển cho Phòng Văn hóa TTTT; điều chuyển chỉ tiêu hoán đổi từ Phòng TC&KH (hoán đổi đc Hóa khi đến cơ quan điều chuyển) cho phòng Giáo Dục và Đào tạo.

3. Về chức năng, nhiệm vụ: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; việc làm; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; chính sách người có công; bình đẳng giới; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; công tác thanh niên; thi đua - khen thưởng.

4. Về tài chính: Điều chỉnh kinh phí được giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024 từ nguồn kinh phí được giao cho 02 phòng. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch huyện rà soát tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện tại kỳ họp chuyên đề để điều chỉnh giao dự toán..

5. Về trụ sở, tài sản: **Phòng Nội vụ làm việc tại Trụ sở chung UBND huyện** (giao Văn phòng HĐND và UBND huyện bố trí sắp xếp phù hợp) tiếp quản tài sản hiện có của 02 cơ quan trụ trụ sở làm việc của phòng Lao động- thương binh & xã hội tại thôn Mô Pá, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông (giao Trung tâm văn hóa TTDL và truyền thông (vị trí độc lập có thể luyện tập văn nghệ, bố trí thư viện để các trường gần đó qua đọc).

III. Sáp nhập phòng Nông nghiệp & phát triển nông thôn và phòng Tài nguyên - Môi trường (giảm 01 phòng)

1. Về tên gọi của phòng sau sáp nhập: Phòng Nông nghiệp và Môi trường.

2. Về tổ chức bộ máy: 2 cơ quan sát nhập là 12 biên chế; tiếp nhận mới 1 biên chế là 13 (trong đó có 2 biên chế chưa tuyển).

2.1. Biên chế dự kiến giao: 12 biên chế (1 chưa tuyển).

2.2. Về lãnh đạo: 01 trưởng phòng; từ 2 đến 3 Phó trưởng phòng; 08 Chuyên viên.

- Trưởng phòng NN&PTNT (cấp ủy): Bổ nhiệm giữ chức vụ trưởng phòng.

- Phó trưởng phòng: Tiếp tục bổ nhiệm đồng chí phó phòng NN&PTNT giữ chức vụ Phó trưởng phòng.

- Bổ nhiệm Phó trưởng phòng TN&MT làm Phó trưởng phòng.

- Đồng chí trưởng phòng TN&MT: (1) **Phương án 1**: bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng phòng, (2) **Phương án 2**: đề xuất Ban Thường vụ xem xét tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ tại Mặt trận và các đoàn thể huyện hoặc bí thư Đảng ủy xã.

2.3. Về chuyên viên có: 08 (bao gồm 04 công chức hiện có tại phòng NN&PTNT, 02 công chức tại phòng TN&MT và 01 công chức A Quế tại phòng Lao động, thương binh và xã hội; 1 biên chế chưa tuyển).

+ 01 biên chế chưa sử dụng của phòng TN&MT bổ sung về phòng Y tế. Trường hợp đc Hiếu được điều chuyển thì hoán đổi biên chế của cơ quan đến.

3. Về chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; biển và hải đảo (đối với các huyện có biển, đảo); nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn;

4. Về tài chính: Điều chỉnh kinh phí được giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024 từ nguồn kinh phí được giao cho 02 phòng. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch huyện rà soát tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện tại kỳ họp chuyên đề để điều chỉnh giao dự toán).

5. Về trụ sở, tài sản: **Phòng Nông nghiệp và Môi trường** tiếp quản nguyên trạng trụ sở làm việc của phòng Nông nghiệp & phát triển nông thôn tại thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông và tài sản hiện có của 02 cơ quan.

IV. Kế thức hoạt động phòng Kinh tế - Hạ tầng để thành lập phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

1. Về tên gọi của phòng khi thành lập: **Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị**

2. Về tổ chức bộ máy:

2.1. Biên chế giao: 7

2.2. Về lãnh đạo: 01 trưởng phòng; 02 Phó trưởng phòng.

+ Đồng chí trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, bổ nhiệm giữ chức vụ trưởng phòng;

+ 02 đồng chí phó trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, bổ nhiệm giữ chức vụ phó trưởng phòng;

2.3. Về chuyên viên: giữ 4 chuyên viên.

3. Về chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng;

chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại; phòng, chống thiên tai.

4. Về tài chính: Điều chỉnh kinh phí được giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024 từ nguồn kinh phí được giao cho phòng Kinh tế - Hạ tầng. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch huyện rà soát tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện tại kỳ họp chuyên đề để điều chỉnh giao dự toán.

5. Về trụ sở, tài sản: **Như hiện trạng.**

V. Kế thúc hoạt động phòng Văn hóa - Thông tin để thành lập phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin

1. Về tên gọi của phòng khi thành lập: **Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin**

2. Về tổ chức bộ máy:

2.1. Biên chế giao: **05** biên chế.

2.2. Lãnh đạo: 01 trưởng phòng; 01 Phó trưởng phòng;

- Đồng chí trưởng phòng Văn hóa - Thông tin, bổ nhiệm giữ chức vụ trưởng phòng;

- 01 đồng chí phó trưởng phòng Văn hóa - Thông tin, bổ nhiệm giữ chức vụ phó trưởng phòng;

3.3. Về chuyên viên: 2 chuyên viên hiện có và bổ trí 1 chuyên viên chưa tuyển Phòng LĐTĐ&XH.

3. Về chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ.

4. Về tài chính: Điều chỉnh kinh phí được giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024 từ nguồn kinh phí được giao cho phòng Văn Hóa - Thông tin. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch huyện rà soát tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện tại kỳ họp chuyên đề để điều chỉnh giao dự toán.

5. Về trụ sở, tài sản: Giữ nguyên hiện trạng.

VII. Tổ chức lại, tiếp nhận, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của một số phòng chuyên môn, cụ thể:

1. **Phòng Giáo dục & đào tạo:** Ngoài chức năng, nhiệm vụ hiện nay; tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về giáo dục nghề nghiệp từ phòng Lao động - Thương binh & xã hội khi hợp nhất. Cụ thể:

1.1. Về tổ chức bộ máy:

- Biên chế giao: **05** biên chế.

- Về lãnh đạo: 01 trưởng phòng; 02 Phó trưởng phòng (dự kiến bổ nhiệm từ nguồn ngoài).

- Về chuyên viên: 1 chuyên viên hiện có và 1 biên chế của Phòng Lao động - Thương binh & xã hội (hoán đổi biên chế đc Hóa).

1.2. Về chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

1.3. Về tài chính: Điều chỉnh kinh phí được giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024 từ nguồn kinh phí được giao cho phòng Lao động, Thương binh & xã hội lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch huyện rà soát tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện tại kỳ họp chuyên đề để điều chỉnh giao dự toán.

1.4. Về trụ sở, tài sản: Sử dụng trụ sở của phòng như hiện nay. Tiếp nhận tài sản, tài liệu về giáo dục nghề nghiệp từ phòng Lao động, thương binh & xã hội.

2. Thành lập Phòng Dân tộc và Tôn giáo (05 biên chế): Trên cơ sở Phòng Dân tộc tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về Tín ngưỡng - Tôn giáo từ phòng Nội vụ.

2.1. Về tổ chức bộ máy:

- Biên chế giao: **05** biên chế, cụ thể (*04 biên chế được giao cho Phòng Dân tộc và tiếp nhận biên chế từ phòng Lao động & TBXH để bố trí phụ trách lĩnh vực Tín ngưỡng - Tôn giáo*).

- Về lãnh đạo: 01 Trưởng phòng; 01 phó phòng.

- Về chuyên viên: 03 (*02 công chức hiện có tại phòng Dân tộc; 01 biên chế từ phòng LDTB&XH*).

- Về tiếp nhận bố trí, sắp xếp đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức khi tiếp nhận:

+ Tiếp nhận ông Lê Thái Lam, công chức tại phòng Lao động, Thương binh & xã hội.

2.3. Về chức năng, nhiệm vụ: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về công tác Dân tộc; quản lý Nhà nước về Tín ngưỡng - Tôn giáo và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài chính: Điều chỉnh kinh phí được giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024 từ nguồn kinh phí được giao cho phòng Nội vụ, Phòng Lao động- Thương binh và xã hội. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch huyện rà soát tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện tại kỳ họp chuyên đề để điều chỉnh giao dự toán.

2.5. Về trụ sở, tài sản: Phòng Dân tộc và Tôn giáo sử dụng trụ sở của phòng như hiện nay. Tiếp nhận tài sản, tài liệu về Tín ngưỡng - Tôn giáo từ phòng Nội vụ.

3. Phòng Y tế (04 biên chế): Ngoài chức năng, nhiệm vụ hiện nay; tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng, chống tệ nạn xã hội từ phòng Lao động - Thương binh & xã hội khi hợp nhất:

3.1. Về tổ chức bộ máy:

- Biên chế giao: **04 biên chế.**

- Về lãnh đạo: 01 Trưởng phòng và 01 Phó trưởng phòng (tiếp nhận bổ nhiệm từ Phó phòng LĐTB&XH).

- Về viên chức hiện có 1, tiếp nhận 01 biên chế chưa sử dụng từ phòng Tài nguyên- Môi trường.

3.2. Về chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

3.3. Về tài chính: Điều chỉnh kinh phí được giao tại Quyết định số 936/QĐ-UBND huyện ngày 17/12/2024 từ nguồn kinh phí được giao cho phòng Lao động-thương binh & xã hội. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch huyện rà soát tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện tại kỳ họp chuyên đề để điều chỉnh giao dự toán.

3.4. Về trụ sở, tài sản: Phòng Y tế sử dụng phòng làm việc như hiện nay đồng thời tiếp nhận một số tài sản, tài liệu từ phòng Lao động - Thương binh và xã hội; phòng làm việc tại trụ sở HĐND và UBND huyện, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.

** Thực hiện Phương án này: Về tổ chức, sau khi tổ chức, sắp xếp lại, UBND huyện Tu Mơ Rông có 11 cơ quan chuyên môn, giảm 02 cơ quan chuyên môn như hiện nay. Trong đó: có 04 cơ quan chuyên môn giữ nguyên cơ cấu tổ chức¹ và 07 cơ quan chuyên môn được tổ chức, sắp xếp lại². Về cấp trưởng, cấp phó: sau khi tổ chức, sắp xếp lại, giảm được 02 cấp trưởng; đối với số cấp phó, trước hết giữ nguyên như hiện nay, UBND huyện Tu Mơ Rông tiếp tục sắp xếp, bố trí số lượng cấp phó đảm bảo theo quy định trong vòng 05 năm tới (trung bình không quá 02 cấp phó/đơn vị).*

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

¹ Thanh tra huyện; Phòng Tài chính – Kế hoạch; Phòng Tư pháp; Văn phòng HĐND-UBND huyện

² Phòng Nội vụ; Phòng Nông Nghiệp và Môi trường; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin; Phòng Dân tộc - Tôn giáo; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Y tế.

1. Xây dựng Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện và Dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan dự kiến tổ chức lại; lấy ý kiến của thành viên UBND huyện; tổng hợp ý kiến góp ý kiến và hoàn chỉnh Đề án (*hoàn thành chậm nhất ngày 26/12/2024*) để Báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, cho ý kiến; trình Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quyết định và HĐND huyện thông qua.

2. Trình Ban Thường vụ Huyện ủy về nhân sự lãnh đạo quản lý các cơ quan chuyên môn sau khi sắp xếp, tổ chức lại và phương án bố trí, sắp xếp đối với số cán bộ quản lý dôi dư.

3. Việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện hoàn thành trước ngày 20 tháng 02 năm 2025.

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Sau khi Đề án được Hội đồng nhân dân huyện thông qua, UBND huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án cụ thể như sau:

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND huyện sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện theo quy định.

2. Quyết định phân bổ biên chế công chức cho các cơ quan, đơn vị cho phù hợp.

3. Quyết định bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đối với số cán bộ, công chức dôi dư.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành và của UBND tỉnh.

5. Trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

6. Các phòng chuyên môn tổ chức bàn giao, tiếp nhận nguyên trạng tài sản, trang thiết bị, hồ sơ, tài liệu, chứng từ và các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động đơn vị khi sáp nhập, bổ sung chức năng, nhiệm vụ. Gửi tất cả hồ sơ báo cáo quyết toán tài chính, tính đến thời điểm có Quyết định cho Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. Cung cấp xác nhận của Kho bạc nhà nước về tài khoản và cam kết cụ thể về các khoản vay, nợ và các vấn đề khác có liên quan (*nếu có*).

7. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm: Hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác quyết toán tài chính, tính đến thời điểm có quyết định sáp nhập, sắp xếp. Tham mưu điều chỉnh và bổ sung kinh phí hoạt động cho các đơn vị theo đúng quy định.

Trên đây là Đề án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- BTV Huyện ủy (b/c);
- HĐND huyện (trình);
- Sở Nội vụ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Trung Mạnh

**PHỤ LỤC I
BIÊN CHẾ TRƯỚC VÀ SAU SẮP XẾP**

| T T | Tên cơ quan, đơn vị | Biên chế | | | | Cấp trưởng | | Cấp phó | | Ghi chú |
|--------|--|-----------------------|----------------|------------------------|----------------|------------------|----------------|---------------------|----------------|---|
| | | Biên chế được giao | | Biên chế đã sử dụng | | Trước sắp xếp | Sau sắp xếp | Trước sắp xếp | Sau sắp xếp | |
| | | Trước sắp xếp | Sau sắp xếp | Trước sắp xếp | Sau sắp xếp | | | | | |
| 1 | Văn phòng HĐND và UBND huyện | 11 | 11 | 9 | 9 | 1 | 1 | 2 | 2 | Không tính 07 biên chế: 01 TTHĐ, 03 biên chế LĐUBND, 03 biên chế các ban HĐ |
| 2 | Phòng Y tế | 2 | 4 | 2 | 3 | 1 | 1 | 0 | 1 | |
| 3 | Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | 7 | 0 | 0 | 0 | 1 | | 1 | | |
| 4 | Phòng Giáo dục và Đào tạo | 4 | 5 | 4 | 5 | 1 | 1 | 1 | 2 | |
| 5 | Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | 7 | 12 | 7 | 11 | 1 | 1 | 1 | 2 | |
| 6 | Phòng Dân tộc | 4 | 5 | 4 | 5 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| 7 | Phòng Tài chính – Kế hoạch | 7 | 7 | 7 | 6 | 1 | 1 | 1 | 2 | |
| 8 | Phòng Văn hoá và Thông tin | 4 | 5 | 4 | 4 | 1 | 1 | 1 | 1 | |

| | | | | | | | | | | |
|----|--------------------------------|-----------|---|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|
| 9 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | 5 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | | |
| 10 | Phòng Tư pháp | 4 | 4 | 4 | 3 | 1 | 1 | 0 | 0 | |
| 11 | Thanh tra huyện | 4 | 4 | 4 | 4 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| 12 | Phòng Nội vụ | 7 | 9 | 9 | 8 | 1 | 1 | 2 | 2 | |
| 13 | Phòng Kinh tế và Hạ tầng | 7 | 6 | 6 | 6 | 1 | 1 | 2 | 2 | |
| | Tổng | 73 | | 61 | 62 | 13 | 11 | 15 | 16 | 73 biên chế chưa tính 7 biên chế LĐ HĐ, UBND, các Ban HĐ |

PHỤ LỤC II
DỰ KIẾN BIÊN CHẾ SAU SẮP XẾP CÒN 11 PHÒNG CHUYÊN MÔN

PHỤ LỤC III
BỔ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC SAU SẮP XẾP

| STT | Họ và tên, năm sinh | Chức vụ trước khi sắp xếp | Chức vụ dự kiến bố trí sau sắp xếp | |
|----------|---|----------------------------------|------------------------------------|--|
| I | Văn phòng HĐND và UBND huyện: 11 | | | |
| 1 | A Hòa 1981 | Chánh Văn phòng HĐND-UBND | Chánh Văn phòng HĐND-UBND | |
| 2 | Trần Công Hồng 1976 | Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND | Phó Chánh Văn phòng HĐND- | |

| | | | | |
|------------|---|----------------------------------|--------------------------------------|--------------|
| | | | UBND | |
| 3 | Nguyễn Văn Thắng 1984 | Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND | Phó Chánh Văn phòng HĐND- UBND | |
| 4 | Hoàng Thị Thùy Dung 1986 | Chuyên viên | Chuyên viên | Biệt phái |
| 5 | Lê Phương 1994 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 6 | Nguyễn Thị Bích Phượng, 1998 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 7 | Trần Đức Thủ 1990 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 8 | Đình Bảo Khang 1999 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 9 | Y Oanh 1980 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 10 | Khuyết | | | |
| 11 | Khuyết | | | |
| II | Phòng Tư pháp: 4 | | | |
| 1 | Phạm Văn Hùng 1985 | Trưởng phòng | Trưởng phòng | |
| 2 | Nguyễn Văn Tường 1975 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 3 | Vũ Văn Linh 1994 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 4 | Khuyết | Phó trưởng phòng | | |
| III | Thanh tra huyện: 4 | | | |
| 1 | Lê Hoàng Thịnh 1979 | Chánh thanh tra | Chánh thanh tra | |
| 2 | Vũ Văn Miêu 1975 | Phó Chánh thanh tra | Phó Chánh thanh tra | |
| 3 | Lê Hồng Cảnh 1984 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 4 | Trần Xuân Thanh 1982 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| IV | Phòng Tài chính – Kế hoạch: 07 | | | |
| 1 | Lâm Trường Sơn 1980 | Trưởng phòng | Trưởng phòng | |
| 2 | Nguyễn Thị Minh Tâm 1987 | Phó trưởng phòng | Phó trưởng phòng | |
| 3 | Nguyễn Thuận Hóa 1972 | Trưởng phòng LĐTB&XH | Phó trưởng phòng | |
| 4 | Phạm Đình Việt | Chuyên viên | Chuyên viên | |

| | | | | |
|-----------|--|------------------------------|--------------------------------------|--|
| | 1987 | | | |
| 5 | Đặng Phương Nam 1999 | Chuyên viên | Chuyên viên | |
| 6 | Nguyễn Đình Tý 1977 | Cán sự | Cán sự | |
| 7 | Khuyết | | | |
| V | Phòng Nội vụ:9 | | | |
| 1 | Y Hương 1984 | Trưởng phòng Nội vụ | Trưởng phòng | |
| 2 | Hoàng Quốc Công 1983 | Phó trưởng phòng Nội vụ | Phó trưởng phòng | |
| 3 | Trần Quốc Huy 1989 | Phó trưởng phòng Nội vụ | Phó trưởng phòng | |
| 4 | Doãn Thanh Tài 1991 | Chuyên viên phòng Nội vụ | Chuyên viên | |
| 5 | A Thông 1994 | Chuyên viên phòng Nội vụ | Chuyên viên | |
| 6 | Nguyễn Tấn Phát 1984 | Chuyên viên phòng Nội vụ | Chuyên viên | |
| 7 | Y Kim Sang 2000 | Chuyên viên phòng LĐTB&XH | Chuyên viên | |
| 8 | Huỳnh Ngọc Tuấn 1977 | Chuyên viên phòng LĐTB&XH | Chuyên viên | |
| 9 | | | | |
| VI | Phòng Nông nghiệp và Môi trường: 12 | | | |
| 1 | Dương Thái Khoa 1983 | Trưởng phòng NN&PTNT | Trưởng phòng | |
| 2 | Trần Thanh Hiếu 1982 | Trưởng phòng TN- MT | Phó trưởng phòng | |
| 3 | Chu Hữu Tuấn 1984 | Phó phòng TN-MT | Phó trưởng phòng | |
| 4 | Lâm Văn Chung 1979 | Phó phòng NN&PTNT | Phó trưởng phòng hoặc chuyên viên | |
| 5 | Nguyễn Thị Liên 1984 | Chuyên viên Phòng NN&PTNT | Chuyên viên | |
| 6 | Tô Đông Sang 1991 | Chuyên viên Phòng NN&PTNT | Chuyên viên | |
| 7 | Trương Văn Thiều 1972 | Chuyên viên Phòng NN&PTNT | Chuyên viên | |
| 8 | Phạm Văn Tùng 1972 | Cán sự phòng NN&PTNT | Cán sự | |
| 9 | Nguyễn Thanh Quát 1992 | Chuyên viên phòng TN-MT | Chuyên viên | |
| 10 | Trần Bích Hảo | Chuyên viên phòng | Chuyên viên | |

| | | | | |
|-------------|---|-----------------------------|---------------------------|--------------|
| | 2000 | TN-MT | | |
| 11 | A Quế 1986 | Chuyên viên phòng LĐT&XH | Chuyên viên | |
| 12 | Khuyết | | | |
| VII | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: 06 | | | |
| 1 | Hà Huy Cường 1985 | Trưởng phòng KT- HT | Trưởng phòng | |
| 2 | Nguyễn Văn Quyền 1974 | Phó trưởng phòng KT-HT | Phó trưởng phòng | |
| 3 | Bùi Thế Toàn 1988 | Phó trưởng phòng KT-HT | Phó trưởng phòng | |
| 4 | Hà Văn Diện 1977 | Chuyên viên phòng KT-HT | Chuyên viên | |
| 5 | Võ Đình Toàn 1977 | Chuyên viên phòng KT-HT | Chuyên viên | |
| 6 | Hồ Ngọc Hải 1999 | Chuyên viên phòng KT-HT | Chuyên viên | |
| VIII | Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin: 05 | | | |
| 1 | Nguyễn Bá Thành 1976 | Trưởng phòng VH- TT | Trưởng phòng | |
| 2 | Nguyễn Thị Hòa 1985 | Phó Trưởng phòng VH-TT | Phó Trưởng phòng | |
| 3 | Khuyết | | | |
| 4 | Khuyết | | Chuyên viên | |
| 5 | Nguyễn Thị Bích Ngọc 1990 | Chuyên viên phòng KT-HT | Chuyên viên | Tiếp nhận |
| IX | Phòng Y tế: 04 | | | |
| 1 | Nguyễn Thanh Ngọc 1969 | Trưởng phòng Y tế | Trưởng phòng Y tế | |
| 2 | Phạm Văn Hải 1996 | Chuyên viên phòng Y tế | Chuyên viên phòng Y tế | |
| 3 | Ly Y Lý 1983 | Phó trưởng phòng LĐT&XH | Phó trưởng phòng | |
| 4 | Khuyết | | Phó trưởng phòng | |
| X | Phòng Giáo dục và Đào tạo: 05 | | | |
| 1 | Lê Văn Hoàng 1979 | Trưởng phòng | Trưởng phòng | |
| 2 | Y Nhàn 1983 | Phó trưởng phòng | Phó trưởng phòng | |
| 3 | Bùi Thị Thanh Thảo 1991 | Kế toán | Kế toán | |

| | | | | |
|----------|--------------------------------------|---------------------------|---|--|
| 4 | Khuyết | | Phó trưởng phòng | |
| 5 | Khuyết | | Chuyên viên (bổ sung biên chế từ phòng LĐTĐ&XH) | |
| X | Phòng Dân tộc và Tôn giáo: 05 | | | |
| 1 | A Biêu 1982 | Trưởng phòng Dân tộc | Trưởng phòng | |
| 2 | Võ Quang Hòa 1972 | Phó Trưởng phòng Dân tộc | Phó Trưởng phòng | |
| 3 | A Rơ Mạnh Cường 1983 | Chuyên viên phòng Dân tộc | Chuyên viên | |
| 4 | Đinh Thị Quỳnh Trang 1990 | Chuyên viên phòng Dân tộc | Chuyên viên | |
| 5 | Lê Thái Lam 1981 | Cán sự Phòng LĐTĐ&XH | Cán sự | |